

TÌM HIỂU MỐI QUAN HỆ MẬT THIẾT GIỮA TÒA THÁNH RÔMA VÀ CÁC HOÀNG ĐẾ ĐẦU TIÊN CỦA VƯƠNG QUỐC FRANCS

LAI BÍCH NGỌC^(*)

Vương quốc Francs và Giáo hội Kitô giáo thời phong kiến sơ kì (thế kỉ V – IX)

Lịch sử vương quốc Francs thời phong kiến sơ kì gắn liền với lịch sử Tây Âu và Giáo hội Kitô giáo. Sử sách thường gọi đây là thời kì phong kiến hóa. Có nghĩa đây là thời kì những tàn tích của xã hội cũ (chiếm nô Rôma và thị tộc Giécman) bị gạt bỏ và những yếu tố mới của xã hội phong kiến được nảy sinh, phát triển. Song song với quá trình tập trung ruộng đất vào giới quý tộc mới là quá trình nông nô hóa những người nô lệ, lệ nông Rôma và bình dân Giécman.

Trong hàng loạt các vương quốc “man tộc” được thành lập ở Tây Âu từ cuối thế kỉ V đầu thế kỉ VI như Vandal, Lombard, Burgond, Francs, Ostrogoth, v.v... thì Francs là vương quốc mạnh nhất. Francs có nghĩa là can đảm, dũng mãnh, người Rôma gọi bộ tộc này là Francs vì họ chuyên dùng thứ vũ khí đặc trưng là chiếc búa hai lưỡi “Fracae”. Xứ Gaulle (nước Pháp ngày nay) là lãnh thổ của vương quốc này. Thủ lĩnh của vương quốc này là một người rất nổi tiếng tài ba cả về quân sự, chính trị lẫn ngoại giao. Đó là Mêrôvê Chlodoveclus, tức Mêrôvê

Ludiôvicô (hay Lu-y), sử sách thường gọi là Clovis. Clovis chính là người đầu tiên đặt viên gạch xây nền móng cho chế độ phong kiến Francs. Quý tộc Francs cũng như giới quý tộc ở tất cả các vương quốc khác luôn phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức trong quá trình định cư, thống trị người Rôma và xây dựng vương quốc của mình trên lãnh thổ của một đế chế đã có một thời huy hoàng, tráng lệ nhưng vừa bị chinh phục. Người Francs cũng như các “man tộc” khác, vốn sống du mục trên đồng cỏ, thạo nghề cung kiếm nên chưa thể quen ngay với việc định cư, cấy trồng, thủ công và mậu dịch hàng hải, .v.v... Họ càng xa lạ hơn trong việc tạo dựng, tổ chức một thiết chế thống trị mới, có hiệu lực, đó chính là nhà nước, một công cụ để tiếp tục trấn áp quý tộc chủ nô Rôma vừa bị chiến bại và để đối phó với những vương quốc địch thủ trong các cuộc chiến tranh bảo vệ hoặc mở rộng lãnh thổ. Trên khắp lãnh thổ Tây Âu trong suốt thời sơ kì phong kiến, các cuộc chiến tranh thường xảy ra liên miên giữa các vương quốc. Từ cuối thế kỉ V và đầu thế kỉ VI, quý tộc Francs đã không ngừng gây chiến tranh thôn tính các vương quốc

*. PGS. TS., Khoa Lịch Sử, ĐHSP Hà Nội.

láng giềng như Visigoth, Burgond... Trong suốt nửa đầu thế kỉ V các vương quốc này đã bị lôi cuốn một cách cuồng nhiệt, hung bạo vào cuộc chiến để thôn tính lẫn nhau, tranh giành lãnh thổ, khẳng định ngôi bá chủ. Và con cháu của Clovis đã giành được ngôi vị này. Francs trở thành vương quốc hùng mạnh nhất với một lãnh thổ rộng lớn, hầu hết xứ Gaulle, một phần Ibêri và vùng Provence. Đây là giai đoạn lịch sử huy hoàng đầu tiên của vương quốc Francs, triều Mêrôvê mà Clovis là người đặt nền móng sáng lập.

Giáo hội Kitô giáo Tây Âu trước sự xâm lăng và thống trị của các vua chúa “man tộc” cũng phải gánh chịu những thử thách nghiêm trọng. Đế chế Rôma sụp đổ không phương cứu chữa đã làm cho Giáo hội mất đi chỗ dựa, mất đi đồng minh vững chắc về chính trị. Ruộng đất, nhà thờ, lãnh địa, của cải, v.v... bị chiến tranh tàn phá, bị cướp bóc “... khi người lên ngôi giáo hoàng (tức Grigôriô I), tình hình rất dễ sợ. Khốn cùng và đe dọa quá nhiều. Người Lombardi vây hãm, Italia làm mồi cho cướp phá, bạo hành. Hàng năm đều có những thành thị bị thiêu trụi, đường xá mất an ninh, người dân bị biến thành nô lệ. Rôma bị bỏ hoang tới 3/4. Từ tháng 11 năm 589 tai họa đến không kể xiết. Nước sông Tibơ dâng cao, kho tàng hôi thối, bệnh dịch hạch hoành hành kinh khủng. Một trong những nạn nhân đầu tiên là Giáo hoàng Pêtagiô II”⁽¹⁾.

Nhiều tông đồ và tín đồ bị sát hại. Tà giáo của “man tộc” Vandal từ Bắc Phi đang lan truyền mạnh vào các vương quốc khác ở khắp Tây Âu. Tòa Thánh Rôma và Italia năm 539 bị vua người Ostrogoth là Giustinianô thôn tính. Khi Tây Âu đang ở thời kì quá độ để chuyển

mình sang một giai đoạn lịch sử mới thì Giáo hội Kitô giáo cũng phải trải qua những chao đảo, khó khăn và khủng hoảng lớn về cơ sở vật chất, về chỗ dựa tinh thần và niềm tin tôn giáo bị lung lay. Uy tín, sức mạnh của Giáo hoàng, Giáo hội Rôma bị giảm sút. Trước thực trạng ấy, Giáo hội Tây Âu mà trước hết là Giáo hoàng và giới tăng lữ cao cấp ở Tòa Thánh Rôma và các địa phương đã ra sức tìm mọi cách có thể cố gắng cứu vãn tình thế.

Mặc dù bị chiến tranh tàn phá nặng nề nhưng Tòa Thánh Rôma vẫn tồn tại. Giáo hoàng và giới tăng lữ nói chung vẫn được an toàn. Nhà thờ, tu viện ở các địa phương mặc dù bị cướp phá ít nhiều nhưng vẫn có cơ hội để khôi phục. quý tộc và quân đội các vương quốc “man tộc” tuy hung hãn nhưng rất say mê về huy hoàng, tráng lệ của văn minh Rôma. Phần lớn họ không coi nhà thờ, Giáo hội Kitô giáo là mục tiêu cần khuất phục. Đây chính là những cơ sở thuận lợi để Giáo hoàng Rôma từng bước, “bằng cách riêng” chinh phục trở lại các vua chúa Giécman. Giáo hội Kitô giáo cần tìm một chỗ dựa, một liên minh mới về chính trị và tinh thần, trên cơ sở đó có điều kiện tẩy trừ các “lạc đạo”, lôi cuốn và phổ biến giáo lí Kitô giáo ở tất cả các vương quốc. Mong muốn của Giáo hội và Tòa Thánh Rôma là Tây Âu sớm trở thành một thế giới Kitô giáo toàn tòng mà Rôma là thủ phủ, là “thành trì Thiên Chúa”. Thánh Âu Tinh, trong “Thành trì Thiên Chúa” đã từng khẳng định rằng:

“Giáo hội không ngồi nuôi tiếc quá khứ nhưng ý thức được thảm kịch ... và cho rằng phải vượt qua để quốc đang hấp hối

1. Daniel Rops. *L' Eglise des Apôtres et des Martyrs*. Paris 1960, bản dịch của Giáo hội Việt Nam 12/1986, Quyển thượng, tr. 167.

để thay thế một thế giới mới. Dù gắn bó với Rôma... vẫn phải thu nhận người Giécman và một Rôma mới, mở rộng và biến đổi thành đế quốc mới, một loạt liên bang các quốc gia Kitô giáo dưới quyền Đức Giáo hoàng⁽²⁾.

Rõ ràng Giáo hoàng Rôma muốn tạo dựng một trật tự xã hội mới, khôn ngoan và mềm dẻo để tranh thủ tất cả mọi tầng lớp từ quý tộc mới Giécman ở tất cả các vương quốc đến thứ dân Rôma trong một thế giới Kitô giáo thống nhất.

D.Rops, một viện sĩ hàn lâm Pháp, chuyên gia nghiên cứu về Kitô giáo cho rằng:

“Giáo hội luôn có ý thức thực tế về những đòi hỏi chính trị. Trong cảnh hỗn loạn ấy, người Giécman tạo thành một sức mạnh, tại sao lại từ chối... Họ nhận thấy trong sự sụp đổ của trật tự cũ, vai trò cá nhân của mình lớn lên, rằng chính Giáo hội trở thành sức mạnh hàng đầu của trật tự mới... Trong nhiều trường hợp chính Giáo hội áp đặt người Giécman. Cho nên Giáo hội quyết định chấp nhận và chinh phục họ vì Giáo hội có một sức mạnh tinh thần vô địch, một tổ chức duy nhất, một tính phổ quát tiếp nối trước mặt người đời... Và Giáo hội đã thành công⁽³⁾.”

Mối giao hảo khăng khít giữa các giáo hoàng Rôma và các hoàng đế Francs

Người Francs đã tràn vào định cư ở phía Bắc xứ Gaule từ đầu thế kỷ V. Tộc trưởng đầu tiên của họ là Clôđiô, năm 430 được Hoàng đế Rôma là Valentinô III ban tước đặc sứ cho định cư ở vùng sông Somme. Mêrôvê là con trưởng của Clôđiô, từng làm con tin ở triều đình Rôma và lập công lớn trong nhiều trận chống Hung

nô ở giữa thế kỷ V. Mêrôvê sinh ra Childêricô Mêrôvê, phụ thân của Clovis, vị hoàng đế đầu tiên của vương quốc phong kiến Francs.

Mới 15, 16 tuổi, Clovis đã nổi tiếng trí dũng song toàn, tài năng xuất chúng và trở thành thủ lĩnh tối cao của người Francs. Cuối thế kỷ V, Clovis và dân Francs vẫn ngoại đạo. Bấy giờ tà giáo Ariô, một tôn giáo của người Vandal ở Bắc Phi tràn vào Tây Âu rất mạnh và các tà giáo khác đang trở thành chướng ngại, một rào cản lớn trong kế hoạch Kitô giáo hóa toàn Tây Âu của Tòa Thánh Rôma. Muốn làm được việc này Giáo hội Rôma trước hết phải tranh thủ được Clovis, vị lãnh tụ danh tiếng và uy tín của người Francs. Nếu người Francs đi theo Kitô giáo thì việc giáo hóa toàn Tây Âu mới được thuận lợi. Thế là ông hoàng Clovis trở thành tiêu điểm đầu tiên mà Tòa Thánh Rôma đã chọn. Rêmy, giám mục thành Reims, Avitô, giám mục thành Vienna, Cêsariô, giám mục thành Arles, .v.v... là những người có uy tín, tài cao vọng trọng trong hàng giáo sĩ đã hết sức giúp đỡ, lôi kéo, cảm hóa Clovis đi theo Kitô giáo. Tại sao giáo hội Rôma có sự quan tâm đặc biệt và chọn vị quốc vương trẻ tuổi Francs để truyền giáo? Có lẽ Tòa Thánh đã phát hiện ra ở Clovis một đức vua tài năng, thao lược. Vương quốc của ông sẽ mạnh lên, biên giới vương quốc sẽ được mở rộng ra bốn phía bằng những cuộc chinh phạt bởi những hậu duệ của Clovis. Nếu Clovis thuận theo Kitô giáo thì đám thân binh và dân chúng Francs tất sẽ noi theo đức vua của họ cùng theo Kitô giáo. Khi vương quốc Francs mở

2. Augustinô Patriciô (Âu tinh). *Thành trì Thiên Chúa*. Rôma 1467. Dẫn theo D. Rops, Sđd., tr. 45.

3. D. Rops. Sđd., tr. 46.

rộng khắp Tây Âu thì đương nhiên các “lạc giáo” mà trước hết là Ariô giáo sẽ bị đẩy lùi. Đó là điều kiện tiền đề thuận lợi cho Tòa Thánh Rôma khuyếch trương tôn giáo của mình. Năm 485, Clovis mới 19 tuổi đã nhận được những lời chào mời hợp tác hết sức chân thành và nồng nhiệt của Giám mục thành Reims: “... Ngài hãy bày tỏ lòng kính trọng các giám mục, hãy luôn hỏi ý kiến các vị ấy. Và nếu ngài nhất trí với các vị ấy, xú sở của ngài sẽ thịnh vượng”⁽⁵⁾. Rõ ràng Tòa Thánh Rôma đã thấy được sự lớn mạnh của vương quốc Francs trong tương lai và khẳng định rằng vận mệnh huy hoàng của vương quốc Francs sẽ phụ thuộc hoàn toàn vào sự hợp tác giữa các quốc vương và Tòa Thánh. Câu chuyện “chiếc bình Soissons” đã đi vào lịch sử Francs như một giai thoại vừa biểu trưng cho tình cảm, thiện chí của Clovis với Giáo hội, vừa biểu trưng cho sự chấm hết của thời kì dân chủ quân sự. Một thể chế mới mà quyền lực tập trung trong tay một cá nhân đã được khẳng định⁽⁶⁾.

Giám mục Grigôriô thành Tours kể lại rằng: Quân Francs đã lấy hai chiếc bình và nhiều đồ thờ quý giá khác của nhà thờ. Giám mục đã cho sứ giả đến gặp Clovis để xin lại. Clovis nói: “Hãy theo ta đến Soissons vì sẽ chia chiến lợi phẩm ở đó. Nếu chiếc bình thuộc về ta khi bóc thăm ta sẽ làm theo lời đức cha”. Tới Soissons, Clovis ra lệnh bày tất cả các chiến lợi phẩm giữa binh sĩ và nói: “Hỡi các chiến hữu anh hùng của ta, ngoài phần của ta, xin vui lòng cho ta thêm hai chiếc bình này”. Tất cả các binh sĩ đều nói: “Tâu bệ hạ, tất cả những vật chúng tôi thấy đây đều thuộc về ngài, kể cả chúng tôi nữa... Và không ai có thể chống lại quyền năng của ngài”. Nhưng có một binh sĩ nhẹ dạ

lấy chiếc búa hai lưỡi của mình gõ vào chiếc bình và nói: “Ngài chỉ lấy được những gì bóc thăm được thôi”. Clovis uất giận nhưng giấu kín trong lòng. Chiếc bình được trả lại cho nhà thờ. Năm sau (492), khi tất cả chiến binh được tập trung ở quảng trường Mark để kiểm tra vũ khí như thường lệ, lúc đi qua người chiến binh năm trước, Clovis dừng lại, cầm lấy chiếc búa của anh ta, chê bần và vút xuống đất. Người chiến binh cúi xuống nhặt, Clovis đã dơ búa của mình lên, đập vỡ sọ người chiến binh ấy và nói: “Đây là điều mà người đã làm cho chiếc bình ở Soissons”⁽⁷⁾. Sự kiện này có ý nghĩa quan trọng chẳng những đối với cá nhân vị hoàng đế đầu tiên của vương triều Mèrôvê mà còn gia tăng những nốt thăng đầu tiên cho vương quốc Francs trong giai đoạn xác lập chế độ phong kiến. Giáo hội ngày một quan tâm nhiều hơn đến sự nghiệp của Clovis và sứ mệnh của vương quốc Francs. Còn Clovis coi sự quan tâm đó là một vinh dự lớn. Chiến binh và dân chúng Francs đi theo và tung hô ông như một hoàng đế tin cậy nhất. Sự nghiệp của ông và con cháu từ đây chẳng những gắn liền với những trang sử đầu tiên của vương quốc mà còn liên quan chặt chẽ tới sự củng cố quyền lực của Tòa Thánh Rôma. Việc hôn nhân của Clovis cũng được Tòa Thánh sắp đặt. Các giám mục Avitô và Rêmy đã tỏ ra rất khôn ngoan và sáng suốt trong việc chọn Clotida, công chúa Burgond, một con chiên ngoan đạo làm đế hậu Francs. Hôn lễ được cử hành trọng thể trong ánh hào quang lung

5. D. Rops. Sđd., tr. 136. Xem thêm Bùi Đức Sinh. *Lịch sử Giáo hội Công giáo*. Q.I. Calgary, Canada 1999. tr. 225, 226.

6. Miroslav Hroch. *Evropa Historická udalosti*. Maj. Praha 1980, tr. 43.

7. D. Rops. Sđd., tr. 137.

linh của nhà thờ Soissons năm 493. Sau sự kiện này thế lực của Clovis ngày càng gia tăng. Sau mỗi lần thắng trận ông lại được các giám mục động viên, khích lệ. Tương truyền rằng vào năm 497, trong trận đánh quân Alamans, để mở rộng bờ cõi, Clovis đã cầu xin sự giúp đỡ của Chúa Giêsu: "Hỡi ông Giêsu, hãy ban cho tôi chiến thắng, khẩn cầu ngài hãy giúp đỡ tôi. Nếu chiến thắng tôi sẽ tin ngài và tôi sẽ xin rửa tội". Và Clovis đã chiến thắng. Năm sau, 498, ông chính thức trở thành tín đồ Kitô giáo trung thành nhất. Đầu thế kỉ VI, Clovis lại tiếp tục giành được nhiều chiến công oanh liệt hơn trong việc thu phục xứ Burgond và Tây Gốt. Các "lạc giáo" bị đẩy lùi, Kitô giáo chiến thắng ở vùng tây nam Francs. Thành phố Lutece được ông chọn làm đế đô và mang tên mới là Paris. Năm 510, để tăng thêm mối giao hảo với vị hoàng đế trẻ tuổi đầy quyền năng và tham vọng này, Hoàng đế Bizantin là Anastariô đã phong cho Clovis tước hiệu Tổng tài. Tại thánh đường Martinô, các giám mục Rôma đã long trọng cử hành lễ nhận tước hiệu cao quý này cho Clovis. Để đền ơn, năm 511, với danh nghĩa quốc vương toàn xứ, Clovis đã đích thân triệu tập Công đồng quốc gia tại Orleans. Giám mục Bourdeaux được chủ tọa, 32 giám mục tới dự. Những vấn đề quân sự, chính trị, tôn giáo đã được bàn bạc đồng thuận giữa đức vua và Giáo hội.

Ngày 27/11/511, Clovis đột ngột băng hà giữa lúc uy thế của ông đang vang dội. Trong 30 năm ở ngôi ông đã có công lớn đặt nền móng cho sự cường thịnh của vương quốc. Nhờ tài trí thao lược, dũng mãnh, nhờ sự ủng hộ của tướng lĩnh và chiến binh cùng sự giúp đỡ của Giáo hội mà vương quốc Francs đã trở nên hùng

cường, lớn mạnh nhất Tây Âu. Quan hệ hợp tác chặt chẽ và hòa hảo giữa Tòa Thánh Rôma và các hoàng đế Francs mà Clovis là sứ giả đầu tiên chấp nối cho sự gắn bó ấy sẽ tiếp tục phát triển tốt đẹp hơn ở cuối triều Mêrôvê và đặc biệt là ở vương triều Carôvê tiếp sau.

Bước sang thế kỉ VI, vị thế của Giáo hội ở các vương quốc Tây Âu đã khá vững chắc. Giáo hội đã có một đội ngũ giám mục, linh mục rất tận tâm. Họ có được phương sách chinh phục, quảng bá đức tin thật hữu hiệu. Ôn hòa, nhẫn nại, khôn ngoan và mềm dẻo, từng bước Giáo hội Rôma đã lôi cuốn được cả Tây Âu. Nói cách khác, uy tín của Giáo hội Rôma đã bao trùm cả Tây Âu. Giáo hoàng Grigoriô I lên ngôi năm 590 được các sử gia ca ngợi là "Thánh nhân", là "Tổng tài của Thiên Chúa", là người có công rất lớn trong việc chấn hưng, phổ quát Giáo hội Kitô giáo ở Tây Âu. Giáo hoàng đã công khai mục đích của mọi hoạt động là: "Làm việc cho thành trì trần thế và thành trì Thiên Chúa... thay đổi lịch sử để triều đại Thiên Chúa mau đến. Đó là nền tảng cho mọi hoạt động chính trị và xã hội"⁽⁸⁾. Đức Giáo hoàng di chúc cho người kế nhiệm rằng: "Leo núi không phải bằng cách nhảy vọt mà bằng những bước chậm chậm... Đế quốc Rôma đã chết, đế chế Rôma của Đức Giáo hoàng sẽ thay thế nó"⁽⁹⁾.

Ở những thập niên đầu thế kỉ VIII, Tòa Thánh gặp rất nhiều khó khăn. Bên trong là sự đe dọa của người Lombard. Nhà vua của họ là Liutprandô (712 – 744) muốn thôn tính cả bán đảo Italia. Nếu vậy Tòa Thánh sẽ mất hết quyền lực,

8. D. Rops. Sđd., tr. 169. Xem thêm: M. D. Knowles. *Nouvelle histoire de L'eglise*. Paris 2003, tr. 23, 24.

9. Lời di chúc của Giáo hoàng Grigoriô I cho Thánh Âu Tinh. Dẫn theo D. Rops. Sđd., tr. 175.

Giáo hoàng chỉ còn là một Giám mục Rôma mà thôi. Năm 728 và 742, Liutprandô đã tiến sát thánh đường Phêrô. Bên ngoài, phía Đông, các hoàng đế Bizantin luôn o ép, khống chế Giáo hoàng Rôma. Ngoài ra các quý tộc địa phương như quận công Rôma, thống đốc thành phố và các quan chức cao cấp đều muốn khẳng định quyền lực của mình với Tòa Thánh. Đây là những tác nhân chính thúc đẩy Tòa Thánh Rôma xích lại gần và kháng khí hơn nữa với các hoàng đế Francs. Nhưng quyền lực của vương triều Mêrôvê ngày càng sa sút nghiêm trọng. Sự tranh chấp quyền lực giữa đám con cháu, chất của Clovis luôn xảy ra. Các ông hoàng thường là kẻ bất tài vô dụng và lười biếng, không chăm lo chính sự. Ở các địa phương quý tộc nổi loạn. Quyền lực thực tế thuộc về tổ tướng Pêpin de Hêristalô (680 – 714), quận công xứ Austrasia. Ông chính là cụ tổ của vương triều mới Carôlô (751 – 987). Năm 714, Pêpin mất. Con trai ông, Carôlô Martel (tức Carôlô búa), một chính khách xuất chúng, tài ba cả quân sự lẫn chính trị lên kế vị sự nghiệp của cha một cách xuất sắc (714 – 741). Ông chính là tác giả của công cuộc cải cách về kinh tế và quân sự Bênêfice nổi tiếng trong lịch sử phong kiến Francs. Và quan trọng hơn là ông đã từng chiến thắng vẻ vang tất cả các đạo quân xâm lược ngoài biên cương. Ông đẩy lùi quân Bavarois, Alamans, Saxon và Frison ở phía bắc và quân Islam giáo ở tây nam. Năm 719, từ Tây Ban Nha, quân Islam giáo vượt dãy Pyrênê tấn công miền nam Francs. Năm 725, thành Autun bị cướp phá tan hoang, Francs bị đe dọa nghiêm trọng. Năm 732, sau khi cho quân hoành hành khắp miền tây nam bán đảo Ibêri, tháng 10, tướng Abder Rahman hạ lệnh tấn công thành Tours

(vùng Poitiers). Sau 7 ngày quyết chiến, quân của Carôlô Martel đã chiến thắng oanh liệt, tướng A. Rahman bị tử trận⁽¹⁰⁾. Sự đe dọa của quân Islam giáo đã bị đập tan. Những chiến công lẫy lừng về quân sự của C. Martel đã đưa ông lên đỉnh vinh quang. Mặt khác, trận Poitiers lừng danh chẳng những làm tăng uy lực của vương quốc Francs mà còn làm gia tăng uy tín của cá nhân C. Martel. Hơn nữa, nó còn có ý nghĩa rất lớn đối với Giáo hội Kitô giáo. Tòa Thánh được bảo vệ an toàn, Giáo hội tránh được sự đụng độ quyết liệt với quân Islam giáo. Mặc dù C. Martel có lấy của Giáo hội một phần ruộng đất để ban tặng, thưởng công cho các tướng lĩnh, chiến binh có nhiều công trạng nhưng Giáo hội vẫn phải cho qua để giữ gìn mối giao hảo vốn được hình thành từ thời Clovis. Quân Lombardi lại đe dọa Rôma, Giáo hoàng Grigôriô III đã đặt hi vọng rất nhiều ở C. Martel, vị tướng lừng danh này sẽ chở che cho Giáo hội chống quân xâm lược. “Nhân danh Thiên Chúa và sự phán xét kinh khủng của Người, chớ chối bỏ lời ta cầu xin, đừng bịt tai trước lời ta yêu cầu, thì vị thủ lĩnh các tông đồ cũng sẽ không từ chối nước Trời đối với ngài”⁽¹¹⁾. Đây chính là lời khẩn cầu của Giáo hoàng Grigôriô III đối với C. Martel. Nhưng ông chưa thể giúp gì ngay cho Giáo hoàng vì những chiến thắng của ông đối với quân Hung nô có sự trợ giúp của quân đội Lombardi. Vì thế, Giáo hoàng chỉ nhận được vô số tặng vật quý giá và sự tôn kính trang nghiêm của ông. Cũng may cho Tòa Thánh là quân Lombardi lại gặp khó khăn mới nên trì hoãn việc tấn công

10. M. Hroch. Sđd., tr. 46. Xem thêm: M. D. Knowles. *Nouvelle histoire de L'eglise*. Paris 2003, tr. 35.

11. M. Hroch. Sđd., tr. 147.

Rôma. Giữa thế kỉ VIII, năm 751, thời cơ đã chín muồi để C. Martel và con trai ông, Pêpin thực hiện cuộc đảo chính lật đổ vua Childêricô III, sáng lập vương triều mới Carôlô. Triều đại Carôlô bắt đầu từ đây. Nhưng Pêpin lại là con ngoài giá thú của C. Martel, điều đó trái với truyền thống kế ngôi. Hơn nữa cuộc chính biến của ông lại là thoán nghịch. Pêpin, để hợp thức hóa vương triều mới đã liên minh ngay với Giáo hoàng cầu mong một sự che chở linh thiêng của Tòa Thánh. Đức vua liền cử ngay sứ giả sang Rôma thỉnh cầu và Giáo hoàng Giacaria đã nồng nhiệt ủng hộ. Mùa hè năm 751, Thánh Bônifaciô tại thánh đường Soissons đã long trọng làm lễ xức dầu thơm cho Pêpin. Thế là lại một mốc lịch sử quan trọng mới cho mối liên minh chặt chẽ giữa thần quyền và vương quyền được xuất hiện. Tòa Thánh đã phủ ánh hào quang thần thánh cho ngai vàng phong kiến của vương triều mới. Giáo hoàng cần một sức mạnh của vương quyền để chống lại sự tấn công của quân Lombardi vì bấy giờ vua Aistuly của họ đã chiếm được Ravenna, Rôma một lần nữa lại bị đe dọa nghiêm trọng. Giáo hoàng Stêphanô II vội vàng vượt dãy Alps tới Ponthion, nơi đức vua đang ngự để chờ tiếp Giáo hoàng. Nhà vua đón chào Giáo hoàng hết sức nồng nhiệt. Linh mục Saint Denis và thái tử Charlemagne cùng được nghênh đón. Khi Giáo hoàng sắp tới Ponthion, đích thân đức vua đã ra đón chào, ngài xuống ngựa, quỳ gối chào Giáo hoàng, rồi như một giám mã, ngài cầm cương ngựa cho Giáo hoàng đưa về cung. Ngày 28/07/754, tại vương cung thánh đường Saint Denis, đích thân Giáo hoàng Stêphanô II chính thức làm lễ đăng quang ngôi hoàng đế cho Pêpin và tuyên bố: “Giáng vạ kẻ nào không phụ thuộc ngài và các con cháu của ngài”.

Cử chỉ này của Giáo hoàng đã khiến tình hình Rôma thay đổi nhanh chóng. Sau 3 lần tấn công, quân Francs đã giải vây cho Rôma, chiếm lại Ravenna và 5 tỉnh xung quanh. Toàn bộ những vùng lãnh thổ này đức vua tặng cả cho Giáo hoàng để tạ ơn tri kỉ. Thế là Giáo hoàng Rôma từ nay đã có lãnh thổ, có vương quốc riêng độc lập của mình, tồn tại như bất cứ một vương quốc nào của các hoàng đế thế tục. Một quốc gia mới được khai sinh ở Châu Âu, quốc gia của Giáo hoàng (756 – 1870). Ngoài ra Giáo hoàng còn có một chỗ dựa vững chắc, đó là các hoàng đế Francs. Hoàng đế Đông phương Constantin V kịch liệt phản đối sự việc này, nhưng vô hiệu. Thế lực của Tòa Thánh Rôma và Giáo hội phương Tây đã mạnh hơn trước rất nhiều.

Năm 768, Pêpin băng hà, thái tử Charlemagne lên nối ngôi, bấy giờ ông mới 26 tuổi. Đây là vị hoàng đế lỗi lạc, vĩ đại và lừng danh nhất trong lịch sử thời trung đại của vương quốc Francs. Với những chiến công hiển hách, vang dội, đánh đâu thắng đó, Charlemagne đã mở rộng biên giới đế quốc ra bốn phía giống như đế chế Rôma cổ đại. Vương quốc Francs thời ông trị vì (768 – 814) là cường thịnh, huy hoàng nhất. Mối quan hệ giữa Tòa Thánh Rôma và Hoàng đế Francs lại được phát triển sang một giai đoạn mới, khăng khít hơn, gắn bó hơn. Uy quyền của Hoàng đế và Tòa Thánh Rôma hòa hợp, thống nhất cùng đạt đến đỉnh cao trong vinh quang của danh vọng. Thế quyền và thần quyền có sự ăn ý nhịp nhàng, hòa hảo. Vừa lên ngôi, Charlemagne đã quan tâm ngay đến các vấn đề ở Italia đặc biệt là Tòa Thánh và quân Lombardi. Vì đây không những là vấn đề liên quan trực tiếp đến vận mệnh

của Tòa Thánh Rôma mà còn liên quan đến sự hưng thịnh của đế quốc Francs. Năm 773, vua Lombardi lại uy hiếp Rôma. Giáo hoàng Hadrianô I cầu cứu Hoàng đế Francs. Lập tức Charlemagne đem quân giải vây, Rôma được cứu thoát. Ba cửa vương cung thánh đường Phêrô đều mở rộng đón chào Charlemagne như một vị thánh cứu tinh trong tiếng nhạc khải hoàn và lời tung hô ngợi ca công trạng “đáng nhân danh Chúa mà đến”. Trong những bào tấu quân đầy bụi chiến trường, Charlemagne tôn kính quý gối và cúi hôn từng bậc đền thờ trước mộ thánh tông đồ.

Charlemagne đã hoàn toàn làm chủ vùng bắc và nam Italia, quốc gia của Giáo hoàng và Tòa Thánh ở giữa được chở che, bảo vệ. Năm 795, Giáo hoàng Hadrianô I qua đời. Lêô III lên kế vị. Để thắt chặt thêm mối giao hảo với Hoàng đế Francs, vừa đắc cử, Giáo hoàng đã dâng tặng Charlemagne chiếc chìa khóa vàng diện mộ thánh tông đồ Phêrô và cờ hiệu thành Rôma cùng một lời hứa thề trung thành với Hoàng đế.

Ngày 24/11/800, Hoàng đế Francs lại tới Rôma lần 2. Đích thân Giáo hoàng Lêô III đã ra khỏi thành 20 km cùng đám rước hàng trăm người long trọng nghênh đón Charlemagne. Một cuộc họp lớn gồm các chức sắc của Tòa Thánh do chính Hoàng đế chủ trì được tổ chức. Giáo hoàng tuyên bố rằng: “Ý thức những hồng ân đã được lãnh nhận, khiến không có gì tách tôi khỏi lòng mến mộ với Hoàng đế Charlemagne. Thề sẽ trung thành mãi mãi”⁽¹²⁾. Sử sách gọi sự kiện này là lời thề Thanh luyện. Giáo hoàng còn kính cẩn tặng cho Charlemagne một bộ hoàng bào kiểu hoàng đế Rôma cổ đại. Đêm Giáng sinh năm 800, tại vương cung thánh

đường Rôma, Charlemagne long trọng trong hoàng bào kiểu Hoàng đế Rôma cổ rực rỡ quỳ trước bàn thờ thánh tông đồ cầu nguyện. Lêô III lộng lẫy trong phẩm phục giáo hoàng kính cẩn đội vương miện vàng và xúc dầu thánh cho Charlemagne. Cả thánh đường vang dội những lời tung hô cuồng nhiệt “Vạn tuế và chiến thắng cho Hoàng đế, cha mẹ đạo. Vị Hoàng đế vĩ đại và hòa bình của người Rôma”. Giáo hoàng cúi lạy vị tân Hoàng đế theo truyền thống. Tòa Thánh Rôma rất hài lòng vì sự kiện này. Từ đây đế quốc Tây phương đã thực sự được thống nhất và cường thịnh dưới một quyền lực, một ông hoàng mạnh, thoát khỏi sự khống chế của đế quốc Đông phương. Quốc gia của Giáo hoàng được củng cố, chở che, an bình.

Cho đến thời điểm này, Giáo hoàng La Mã đã có lịch sử hơn 1000 năm, nhưng có lẽ chưa bao giờ vị thế của Giáo hội Kitô giáo và Tòa Thánh Rôma lại được gắn bó, đề cao trọng vọng như thời Charlemagne trị vì. Suốt 45 năm ở ngôi (768 – 814), ông đã thực hiện tới 55 cuộc chinh chiến oanh liệt. Khi chóng vánh, khi lâu dài nhưng đánh đâu thắng đó. Nhờ vậy mà uy danh đế quốc Francs vang dội một thời. Các vương quốc Tây Âu phong kiến được thống nhất lại. Do vậy mà quá trình phong kiến hóa được diễn ra nhanh chóng hơn khắp Tây Âu. Những chiến công hiển hách của Hoàng đế Francs không chỉ đem lại những trang sử vẻ vang chói lọi nhất cho lịch sử chính trị của đế quốc mà còn có tác dụng gia tăng sự vững mạnh cho Tòa Thánh Rôma. Trong suốt 45 năm, Charlemagne không ngừng tiến công chinh phạt những vùng khó khăn nhất

12. D. Rops. Sđd., tr. 325. Xem thêm: M. D. Knowles. Sđd., tr.16 và Bùi Đức Sinh. Sđd., tr. 253, 254.

như Sácxon, Frise và Đan Mạch... Đây là những vùng dân chúng không theo Kitô giáo. Nhưng sau chiến thắng, phần lãnh thổ bị sáp nhập vào đế quốc Francs, còn dân chúng buộc phải theo Kitô giáo. Thế là cả phần đời và phần đạo đều được tạo dựng trên một cơ sở vững chắc toàn lãnh thổ Tây Âu. Chế độ phong kiến thực sự được hình thành, Giáo hội Kitô giáo mà trung tâm là Tòa Thánh Rôma đã trở thành một trong hai bộ phận cấu thành giai cấp quý tộc phong kiến cùng thống trị xã hội.

Mối quan hệ giữa Tòa Thánh Rôma và các Giáo hoàng nói riêng với các hoàng đế Francs thuộc hai vương triều Mêrôvê và Carôlô trong suốt hơn 300 năm từ khi đế quốc tây Rôma cổ bị diệt vong đến thời hoàng đế Charlemagne đã tạo nên những cơ sở tiền đề cho sự gắn bó mật thiết giữa thần quyền và vương quyền trong suốt chiều dài lịch sử phong kiến Tây Âu. Quốc gia của Giáo hoàng được khai sinh là nhờ ơn các ông hoàng đầu tiên của vương triều Carôlô. Sự an bình của các giáo hoàng cũng như của Tòa Thánh Rôma là nhờ sức mạnh của cả hai vương triều Mêrôvê và Carôlô chở che, giúp đỡ. Giáo lý Kitô được truyền bá và chiếm địa vị độc tôn trên toàn lãnh thổ Tây Âu là nhờ sức mạnh quân sự chinh phạt lãnh thổ của các ông hoàng Francs dọn đường. Giáo hội Kitô giáo Tây phương và các giáo hoàng Rôma đã dựa hẳn vào sức mạnh của đế quốc Francs để chống lại Giáo hoàng phương Đông. Các Giáo hoàng Rôma mỗi khi đắc cử đều phải được sự chấp nhận của Hoàng đế Francs.

Ngược lại, mỗi Hoàng đế khi lên ngôi đều phải được sự công nhận và làm lễ đăng quang của Giáo hoàng. Người đội vương miện cho Hoàng đế phải là Giáo hoàng Rôma mới là hợp pháp. Và Hoàng đế “phải có bốn phận nhờ Chúa trợ giúp, bảo vệ iáo hội ở khắp mọi nơi bằng vũ lực”. Mọi giám mục khi nhậm chức đều phải hỏi ý kiến Hoàng đế trước khi xin ý kiến Giáo hoàng. Hoàng đế có quyền kiểm soát toàn bộ phẩm trật Giáo hội như chỉ định các giám mục và tu viện trưởng. Các vị này phải thể trung thành, vâng phục Hoàng đế như chư hầu với nhà vua. Hoàng đế Charlemagne còn lập Phái bộ Khâm sai (Missi dominici) gồm một giám mục và các chức sắc nhà nước có quyền thanh tra chính trị và phán quyết mọi việc cả bên đời lẫn bên đạo. Nhờ sự ban tặng đất đai, châu báu từ các vua chúa, quý tộc nên các nhà thờ, tu viện rất giàu có với những lãnh địa rộng mênh mông và những trang trại lớn, xưởng thợ và thuế thập phân (1/10).

Charlemagne là vị hoàng đế tài ba, lỗi lạc, xuất chúng hơn hẳn các bậc tiền bối của cả hai triều đại Mêrôvê và Carôlô. Nhưng hậu duệ của ông phần lớn là những hoàng đế kém cỏi, bạc nhược. Cho nên sau khi Hoàng đế băng hà (năm 814) thì mối quan hệ giữa thần quyền và vương quyền ngày càng trở nên phức tạp và căng thẳng. Trải qua nhiều bước thăng trầm, thần quyền thường lấn át thế quyền. Cho mãi đến đầu thế kỉ XIV, quyền lực của các hoàng đế Tây Âu mới dần được khôi phục./.